

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày 16-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Minh Tân

Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/HSST-QĐ ngày 18-5-2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Đức T, sinh ngày 26-8-1964 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị C1 (chết); vợ là Nguyễn Thị Thanh L, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988 nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20-12-2016 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Làm chủ lô đề, bằng hình thức phạt tiền. Chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 27-12-2016. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Vĩnh L, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 7, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Võ Mỹ L1, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 7, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 26-12-2020, ông Trần Vĩnh L đến nhà Võ Đức T tại số nhà 142 đường H, tổ A, phường Q, thành phố Q để mua các số lô, số đề mục đích thắng thua bằng tiền thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi phát hiện bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang thu giữ của ông Trần Vĩnh L có 01 tờ tích đề do Võ Đức T ghi, cụ thể như sau: Ông L mua 02 số đề dưới hình thức bao lô hai số: 09, 90 với số tiền: 360.000 đồng, mua 02 số đề dưới hình thức đầu – đuôi hai số: 09, 90 với số tiền là: 300.000 đồng. Tổng số tiền ông L mua số đề là: 660.000 đồng, khi tính tiền Võ Đức T giảm 25% số tiền ông L mua số đề.

Tài sản thu giữ khi bắt quả tang gồm: Số tiền 23.500.000 đồng của Võ Đức T; số tiền: 4.000.000 đồng của ông Trần Vĩnh L; 01 (Một) điện thoại di động NOKIA màu đen; 01 (Một) điện thoại di động SAMSUNG màu đen; 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Võ Đức T; 01 (Một) máy tính hiệu Casio màu đen; 01 (Một) cây viết bi màu mực xanh; 01 (Một) cuốn vở dùng để ghi tích đề; 01 (Một) tờ giấy than màu xanh đã qua sử dụng; 01 (Một) cây kéo màu tím; 04 (bốn) tờ tích ghi số đề, ngày 26/12/2020 (đài miền trung, miền Bắc); 01 (Một) phôi đề của ông Trần Vĩnh L và 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Vĩnh L.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định:

Ngày 26-12-2020, Võ Đức T ghi được 05 tích đề (bao gồm 01 tờ tích đã đưa cho ông Trần Vĩnh L), cụ thể số tiền trên tích và thắng thua như sau:

- Đối với các tích đề lấy kết quả xổ số kiến thiết của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Q: Võ Đức T bán 19 số đề theo hình thức đầu – đuôi hai số gồm: 42, 41, 56, 92, 83, 07, 90, 20, 02, 03, 09, 90, 22, 74, 39, 62, 67, 76, 83 với tổng số tiền là: 2.454.000 đồng; bán 50 số đề theo hình thức bao lô hai số gồm: 77, 42, 03, 41, 49, 26, 56, 92, 73, 51, 42, 19, 48, 10, 63, 32, 77, 46, 01, 52, 62, 88, 10, 65, 25, 59, 83, 32, 33, 03, 45, 78, 59, 95, 07, 41, 09, 90, 22, 74, 39, 57, 07, 24, 42, 69, 90, 65, 20, 57 với tổng số tiền: 12.096.000 đồng; bán 03 cặp số đề dưới hình thức lô xiên hai số gồm: 00-54, 88-11, 59-83 với tổng số tiền là 234.000 đồng. Tổng cộng là 14.784.000 đồng.

- Đối với các tích đề lấy kết quả xổ số kiến thiết của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết T: Trong 01 mặt của tờ tích đề ngày 26-12-2020 có chữ ký xác nhận của T. T bán 05 số đề theo hình thức lô xiên hai số gồm: 93-97, 94-93, 13-31, 35-50, 94-97 với tổng số tiền là 1.350.000 đồng.

Thời điểm T bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết ngày 26-12-2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Q và T nên tổng số tiền T đánh bạc ngày 26-12-2020 là 16.134.000 đồng.

Cách thức các đối tượng mua, bán số đề thắng thua bằng tiền như sau:

- Trường hợp mua số đề theo hình thức đầu – đuôi hai số: Số đề đã mua đầu trùng với số giải tám hoặc số đề đã mua đuôi trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt trong kết quả xổ số kiến thiết của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Q thì người chơi trúng số đề, tỷ lệ tiền trúng được nhận là gấp 70 lần so với số tiền mà người chơi đã bỏ ra mua số đề.

- Trường hợp mua số đề theo hình thức bao lô 02 số: Số đề đã mua trùng với 02 số cuối của một trong các số trong kết quả xổ số kiến thiết của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Q thì người chơi trúng số đề, tỷ lệ tiền trúng được nhận là gấp 70 lần so với số tiền mà người chơi đã bỏ ra mua số đề đối với một lần trùng. Số tiền người chơi bỏ ra mua số đề theo hình thức bao lô 02 số được nhân cho 18 lô.

- Trường hợp mua số đề theo hình thức xiên lô 02 số: Cả hai số đề đã mua trùng với 02 số cuối của một trong các số trong kết quả xổ số kiến thiết của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Q thì người chơi trúng số đề, tỷ lệ tiền trúng được nhận là gấp 400 lần so với số tiền mà người chơi đã bỏ ra mua số đề đối với một lần cùng trùng, số tiền người chơi bỏ ra mua số đề theo hình thức xiên lô 02 số được nhân cho 18 lô. Tương tự, cả hai số đề đã mua trùng với 02 số cuối của một trong các số trong kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc thì người chơi trúng số đề, tỷ lệ tiền trúng được nhận là gấp 500 lần so với số tiền mà người chơi đã bỏ ra mua số đề đối với một lần cùng trùng, số tiền người chơi bỏ ra mua số đề theo hình thức xiên lô 02 số được nhân cho 27 lô.

Bị cáo T là người trực tiếp bán số đề, thu giữ tiền mua số đề và chung tiền nếu người mua trúng số đề dựa trên kết quả xổ số của các công ty xổ số. Ngoài bán số đề cho Trần Vĩnh L, Võ Đức T còn bán cho nhiều người khác trong ngày 26-12-2020, tuy nhiên T không nhớ họ tên, địa chỉ cụ thể, giám định dữ liệu điện thoại cũng không thu thập được thông tin của những người mua số đề khác nên cơ quan điều tra không làm việc được.

Tại Kết luận giám định số: 50/KLGD-PC09, ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

- Bên trong điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, model: TA-1034, imei 1: 355812092596864, imei 2: 355813092596862 có gắn 01 thẻ Sim vodafone có dãy số 89840200010593834757 và 01 thẻ sim mobifone có dãy số 8401171050555238, cụ thể:

+ Số thuê bao của thẻ Sim mobifone có dãy số 8401171050555238 là: 09455128275.

+ Không xác định được số thuê bao của thẻ Sim vodafone có dãy số 89840200010593834757 do thẻ sim đã ngừng hoạt động.

+ Trích xuất được 32 tin nhắn đến, 07 tin nhắn đi trong bộ nhớ máy điện thoại; không tìm thấy dữ liệu hình ảnh lưu trữ trong bộ nhớ máy điện thoại và thẻ sim.

- Bên trong điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, model: SM-A305F/DS, imei 1: 354868102241991, imei 2: 354869102241999 có gắn 01 thẻ Sim mobifone có dãy số 8401190833024791 và 01 thẻ Sim Viettel có dãy số 8984048000073984669, cụ thể:

+ Số thuê bao của thẻ Sim viettel có dãy số 8984048000073984669 là 0985932639.

+ Không xác định được số thuê bao của thẻ Sim mobifone có dãy số 8401190833024791 do thẻ sim đã ngừng hoạt động.

+ Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn đến, tin nhắn đi và hình ảnh lưu trữ trên bộ nhớ máy điện thoại và thẻ sim.

Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 31-3-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Võ Đức T về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Đức T phạm tội “*Đánh bạc*”, áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt tiền bị cáo T từ 70 đến 80 triệu đồng. Về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Vĩnh L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Mỹ L1 vắng mặt không có lý do, xét thấy người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Võ Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, được thu thập đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 26-12-2020 bị cáo T tự mình ghi sổ đề cho nhiều người chơi đề và trực tiếp thanh toán cho người mua số đề dựa trên kết quả xổ số của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Q và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết T với mức quy định là thắng 70 lần đến 500 lần số tiền người đánh bạc bỏ ra, tùy theo hình thức mua số đề và tùy theo công ty xổ số với tổng số tiền là 16.134.000 đồng. Thời điểm bị bắt quả tang lúc 16 giờ 40 phút chưa đến giờ mở thưởng nên số tiền đánh bạc của bị cáo là 16.134.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tuy ít nghiêm trọng nhưng làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Ngày 20-12-2016 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Làm chủ lô đề, bằng hình thức phạt tiền, chấp hành xong bị cáo vẫn tiếp tục bán số đề, rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, với lỗi cố ý trực tiếp, nên cần xử phạt bị cáo với mức phạt tiền cao để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cha của bị cáo là người có công với cách mạng được thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và hạng ba, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 16.134.000 đồng là tổng số tiền thực tế bị cáo bán số đề và ghi trên tịch đề giao cho người mua đề, đây là số tiền bị cáo đánh bạc nên buộc bị cáo phải nộp để sung quỹ nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chứng minh nhân dân mang tên Trần Vĩnh L, không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Vĩnh L là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 01 máy tính hiệu Casio, màu đen và 01 cây kéo màu tím. Đây là các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 cây viết bi màu mực xanh; 01 tờ giấy than màu xanh đã qua sử dụng. Đây là các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cuốn vở dùng để ghi tịch đề. Tại phiên tòa bị cáo khai, bị cáo chỉ ghi, ký vào tịch đề rồi giao cho người mua đề, bị cáo không ghi lại tịch đề đã bán vào cuốn vở mà Cơ quan điều tra thu giữ, bị cáo chỉ sử dụng cuốn vở này lót phía dưới khi ghi tịch đề. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng là cuốn vở Hội đồng xét xử đã trích xuất và xem xét tại phiên tòa, trong cuốn vở không có nội dung ghi số đề. Tuy nhiên cuốn vở này là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động NOKIA, màu đen, số seri 1: 355812092596864; số seri 2: 355813092596862; 01 điện thoại di động SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 354868102241911; số IMEI 2: 354869102241999 được niêm phong trong bì thư dán kín, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Ngãi, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Phương Đông và 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Đức T, cấp ngày 05-10-2010. Đây là các vật chứng không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 27.500.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ khi bắt quả tang. Theo tài liệu có tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định, trong tổng số tiền này có 4.000.000 đồng là tiền riêng của ông Trần Vĩnh L và 11.399.500 đồng là tiền của chị Võ Mỹ L1 (con bị cáo T) đưa cho bị cáo T để thanh toán tiền thuê người nấu ăn và dựng rạp tổ chức đầy tháng cho con của chị L1 tại nhà của bị cáo T. Hai khoản tiền này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho ông L và chị L1. Số tiền còn lại là 12.100.500 đồng là tiền bị cáo nhận được từ việc bán số đề (sau khi trừ tiền hoa hồng 25% cho người mua số đề) nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với các đối tượng có liên quan trong vụ án: Ông Trần Vĩnh L tham gia đánh bạc với số tiền 660.000 đồng, qua tra cứu ông L chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên Công an thành phố Quảng Ngãi đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền và không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Vĩnh L về hành vi “Đánh bạc” là có cơ sở, đúng pháp luật.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 106 và Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Đức T phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt bị cáo Võ Đức T 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Đức T phải nộp số tiền 16.134.000 đồng (*Mười sáu triệu, một trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 máy tính hiệu Casio màu đen và 01 cây kéo màu tím.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây viết bi màu mực xanh; 01 cuốn vở dùng để ghi tịch đề; 01 tờ giấy than màu xanh đã qua sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 12.100.500 đồng (*mười hai triệu, một trăm nghìn, năm trăm đồng*). Số tiền này Công an thành phố Quảng Ngãi đã nộp vào tài

khoản số 3949.0.9043031.00000 của Công an thành phố Quảng Ngãi mở tại Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05-2-2021) để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho ông Trần Vĩnh L số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) và trả lại cho chị Võ Mỹ L1 số tiền 11.399.500 đồng (*Mười một triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm đồng*). (Hai khoản tiền này Công an thành phố Quảng Ngãi đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 của Công an thành phố Quảng Ngãi mở tại Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05-2-2021).

Trả lại cho bị cáo Võ Đức T 01 điện thoại di động NOKIA màu đen; 01 điện thoại di động SAMSUNG màu đen, được niêm phong trong bì thư dán kín, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Quảng Ngãi, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Phương Đ và 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Đức T cấp ngày 05-10-2010.

Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 17-5-2021 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Võ Đức T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Bộ phận HSNV CATP Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Như

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con;⁽¹²⁾tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾.....

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là⁽¹⁵⁾.....

- Người bào chữa cho bị cáo:⁽¹⁶⁾

.....

- Bị hại:⁽¹⁷⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:⁽¹⁸⁾
-
- Nguyên đơn dân sự:⁽¹⁹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:⁽²⁰⁾
-
- Bị đơn dân sự:⁽²¹⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:⁽²²⁾
-
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²³⁾
-
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:⁽²⁴⁾
-
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....):⁽²⁵⁾
-
- Người tham gia tố tụng khác:⁽²⁶⁾
-

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....
.....

[2].....
.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....
.....

(30)
.....

(31)
.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là

chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)